

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/ HNGĐ-ST

Ngày 24 - 8 - 2020

*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Bằng

*-Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Trước.

2. Ông Trần Văn Hưng.

*-Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

*-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 218/ 2020/ TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020, về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2020 Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Mỹ L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp T, xã Q, huyện H, tỉnh L

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Phúc T, sinh năm 1996 ( Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Q, huyện H, tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*-Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Bùi Thị Mỹ L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết chị và anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/3/2016. Sau khi cưới anh

chị sống cùng gia đình chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, vì mang thai nên chị ở nhà chăm lo gia đình, mỗi lần cha chồng nhậu vô là chửi chị, nói chị là dâu thì phải có bổn phận lo cho gia đình, chị nói chuyện với anh T nhưng không có sự cảm thông, anh T làm tài xế thường xuyên ăn nhậu, mỗi lần nhậu về là kiểm chuyện. Sau khi sinh con xong chị đi làm thì anh T ghen tuông không tin tưởng, nên thường xuyên cự cãi, anh T nhiều lần còn hăm dọa chị, do không thể chung sống nên chị và con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh T không có kêu chị về, đầu năm 2019 bắt con theo anh cho đến nay, lúc đầu chị có dẫn con về nhà chơi nhưng sau này anh không cho chị đến thăm con. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 03/10/2013. Khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 750.000 đồng/tháng cho đến khi con 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*-Bị đơn anh Nguyễn Phúc T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không có cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết số 11 vào ngày 14/3/2016. Do đó hôn nhân của chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị L trình bày trong thời gian chung sống giữa anh chị có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, xuất phát từ những vấn đề trong cuộc sống, do không thể chung sống nên anh chị đã sống ly thân, cho thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục.

Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, chung sống với nhau. Nhưng chị L và anh T trong cuộc sống có những bất đồng, thời gian dài anh chị không còn chung sống, sự quan tâm và chia sẻ với nhau không có, cho thấy tình cảm vợ chồng của anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt và cũng không có bản khai ý kiến đối với yêu cầu của chị L. Xem như anh T cũng đồng ý với yêu cầu của chị L. Tại phiên tòa chị vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn với anh T. Việc chị L yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3]. Về con chung: Từ khi ly thân đến nay cháu Nguyễn Ngọc Như Y do anh T nuôi dưỡng. Chị L đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng. Do đó nên giao cháu Y cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 750.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị nên được chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[7]. Về án phí: Buộc chị L phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Phúc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 03/10/2013 cho anh Nguyễn Phúc T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị Mỹ L có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Bùi Thị Mỹ L cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc Như Y mỗi tháng là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Như Y tròn 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Buộc chị Bùi Thị Mỹ L nộp 300.000 đồng ( Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng ( Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0005787 ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện

Long Hồ nên được khấu trừ, chị L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng ( *Ba trăm ngàn đồng*).

7. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- UBND xã Q-Long Hồ-VL
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án. /.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Công Bằng**